



IC-R9500

Máy thu thông tin liên lạc chuyên nghiệp



Máy thu thông tin liên lạc chuyên nghiệp

với dải tần số từ 0.005 đến 3335MHz và máy phân tích phổ hiệu suất cao



Thiết bị IC-R9500 là một máy thu thông tin liên lạc chuyên nghiệp hiện đại để giám sát băng tần rộng, phát hiện tín hiệu, phân tích phổ, ghi lại các tín hiệu thu được, và hơn thế nữa.

Các tính năng chính

- Dải tần số làm việc rộng 0.005–3335MHz
- +40dBm 3rd order intercept point and 109dB dynamic range* (*At 14.1MHz)
- Máy phân tích phổ hiệu suất cao đa chức năng
- Độ ổn định tần số cao $\pm 0.05\text{ppm}$
- Đồng hồ đo dB μ /dB μ (emf)/dBm meter độ chính xác cao $\pm 3\text{dB}^*$ (*10 đến 70dB μ tín hiệu nằm giữa 100kHz đến 3335MHz ở 25°C)
- Chức năng tự động điều hướng ở các chế độ SSB/CW/AM
- Tùy chọn chế độ thu kỹ thuật số P25
- Cấu trúc, hoạt động và vận hành chuyên nghiệp



Khối máy DSP kép cung cấp máy thu hiệu

HIỆU SUẤT CƠ BẢN

Dải tần làm việc rộng

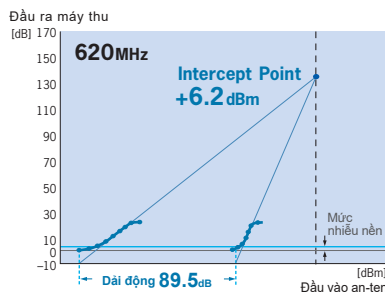
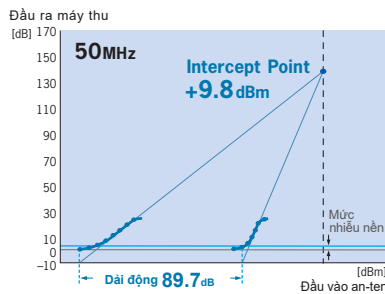
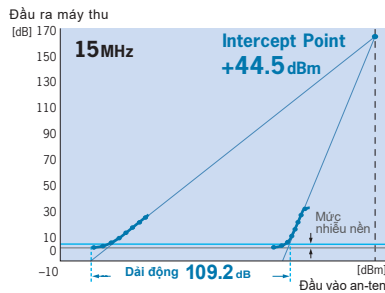
Thiết bị IC-R9500 có dải tần làm việc 0.005–3335MHz ở các chế độ SSB, AM, FM (WFM), CW, FSK và P25*. Nó phù hợp để giám sát vô tuyến và các hoạt động thu nghe dải rộng.

* Cần có tùy chọn khối máy kỹ thuật số UT-122.

Máy thu hiệu suất cao

Thiết bị IC-R9500 đạt được hiệu suất tuyệt vời nhờ sử dụng một mạng D-MOS FET trong bộ trộn thứ nhất (dưới 30MHz) và một bộ lọc dạng mái nhà IMD xuất sắc.

Thiết bị IC-R9500 có IP3 +40dBm và dải động 109dB ở 14.1MHz. Hiệu suất IP3 là +9.8dBm ở 50MHz và +6.2dBm ở 620MHz (+5dBm (điển hình) từ 30MHz đến 3335MHz).



Năm bộ lọc dạng mái nhà

Thiết bị IC-R9500 có 5 bộ lọc độc lập dạng mái nhà (240, 50, 15, 6 và 3kHz) để cải thiện độ chọn lọc. Trong điều kiện mật độ phổ RF dày đặc, nó cực kỳ quan trọng để bảo vệ chống tín hiệu cường độ mạnh trong dải thông. Bộ lọc mái nhà 3kHz cung cấp dải động chặn 130dB (xấp xỉ)*.

* Ở tần số thu 15MHz, với các tín hiệu 5kHz riêng.



Năm bộ lọc

DSP kép

Thiết bị IC-R9500 kết hợp hai khối DSP điểm thả nổi 32 bit độc lập, một khối DSP đóng vai trò máy thu và khối khác đóng vai trò máy phân tích phổ. Bằng cách sử dụng nguồn cho hai khối DSP độc lập, máy vô tuyến có thể đáp ứng ngay lập tức sự thay của nhân viên vận hành.



Khối DSP kép

Độ ổn định tần số cao ±0.05ppm

Thiết bị IC-R9500 sử dụng một khối OCXO (Oven Control Crystal Oscillator) cung cấp độ ổn định tần số ±0.05ppm từ 0°C đến 50°C. Tần số chuẩn 10MHz có thể được cung cấp tới hoặc đưa vào từ thiết bị ngoài.



Khối OCXO

Bộ lọc IF kỹ thuật số

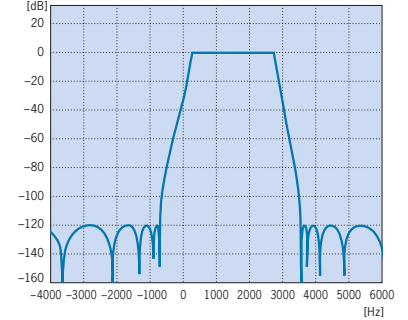
Bộ lọc IF kỹ thuật số* cho phép nhân viên điều chỉnh đặc tính hình dạng bộ lọc (sắc nét hoặc mềm mại), băng thông bộ lọc, và tần số trung tâm. PBT kỹ thuật số kép băng hẹp và dải thông IF dịch chuyển để loại bỏ hiệu quả các tín hiệu không mong muốn.

* Đối với chế độ FM, WFM và P25, băng thông cố định.

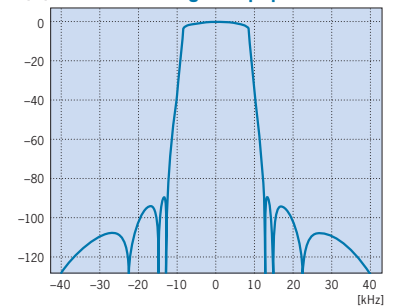


Ví dụ về cài đặt PBT kép kỹ thuật số

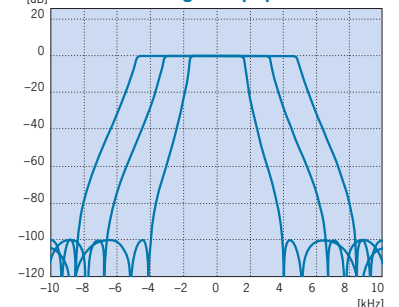
Các thông số hình dạng bộ lọc SSB



Các thông số bộ lọc FM



Các thông số bộ lọc AM



suất cao và phân tích phổ

MÁY PHÂN TÍCH PHỔ

Máy phân tích phổ đa chức năng

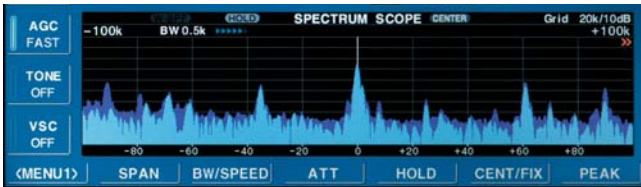
Một khối DSP được dùng để cải thiện dải động máy phân tích phổ. Thiết bị IC-R9500 có bốn chế độ phân tích phổ khác nhau như độ rộng bình thường/rộng và định tâm/cố định. Máy phân tích phổ có dải tần làm việc từ $\pm 2.5\text{kHz}$ đến $\pm 5\text{MHz}$, trong khi độ rộng băng tần máy phân tích phổ* quan sát được từ $\pm 500\text{MHz}$ (lựa chọn được $\pm 10\text{MHz}$, $\pm 25\text{MHz}$, $\pm 50\text{MHz}$, $\pm 100\text{MHz}$ $\pm 250\text{MHz}$ và $\pm 500\text{MHz}$). Khi

sử dụng máy phân tích phổ bình thường, độ rộng bộ lọc của máy phân tích phổ kỹ thuật số có thể thay đổi từ 200Hz đến 20kHz với tốc độ quét thay đổi được. Máy phân tích phổ cũng có thể cài đặt để dùng ở cạnh hoặc tâm của độ rộng hình ảnh phổ ở tần số thu.

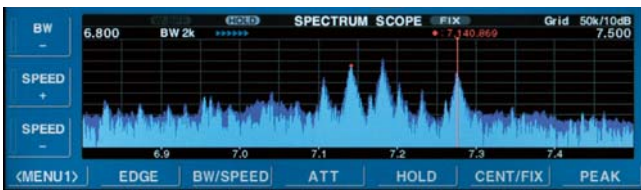
Chức năng tìm kiếm theo đỉnh sẽ tự động di chuyển hiển thị kỹ hiệu tới tín hiệu mạnh nhất của màn hình phân tích phổ. Hơn nữa với các tính năng này, máy phân tích phổ có 3 mức suy giảm (10dB, 20dB, 30dB).

* Khi sử dụng máy phân tích phổ băng rộng, đầu ra AF bị tắt.

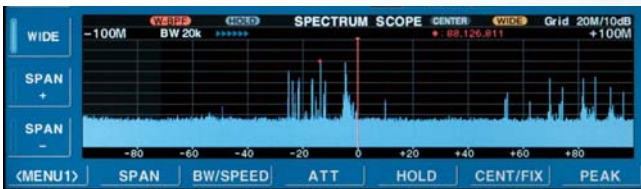
- Chế độ cố định ... màn hình máy phân tích phổ không dịch chuyển khi bạn thay đổi tần số thu.
- Chế độ định tâm ... màn hình máy phân tích phổ dịch chuyển khi tần số thu dịch chuyển. Tần số thu luôn luôn nằm ở tâm màn hình máy phân tích phổ.
- Hình dạng phổ băng tần rộng lên đến $\pm 500\text{MHz}$.
- Cài đặt tốc độ quét/độ rộng phổ/độ rộng bộ lọc
- Chức năng tìm kiếm theo đỉnh
- Chức năng duy trì đỉnh
- Bộ suy giảm
- Chức năng máy phân tích phổ mini



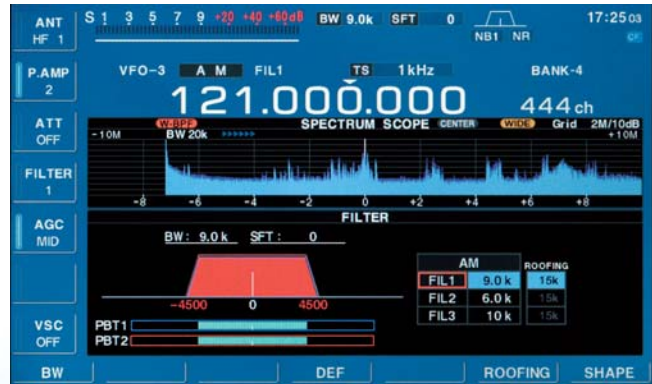
Ví dụ cài đặt chế độ định tâm



Ví dụ cài đặt chế độ cố định



Ví dụ máy phân tích phổ băng rộng ($\pm 100\text{MHz}$)



Ví dụ chức năng máy phân tích phổ mini



Màn hình và cáp kết nối

Vận hành đa chức năng và phức tạp

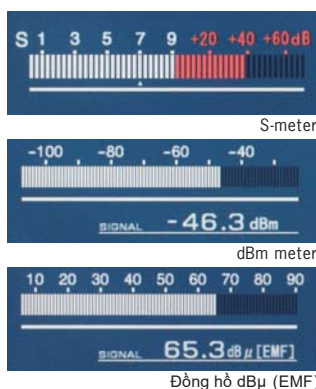
CÁC CHỨC NĂNG

Màn hình LCD màu TFT 7-inch

Màn hình lớn 7-inch dạng màn hình rộng (800 × 480 điểm ảnh) ma trận chủ động cho thời gian đáp ứng nhanh, độ phân giải cao và có góc nhìn rộng. Máy phân tích phổ đa năng được hiển thị bằng màu chói. Màn nền có thể lựa chọn được từ đen đến xanh dương theo sở thích của bạn. Hơn nữa, thiết bị IC-R9500 có một đầu nối VGA cho phép bạn kết nối tới một màn hình ngoài.

Nhiều RSSI

Các kiểu đồng hồ S-meter, dBμ, dBμ(emf) và dBm có thể lựa chọn được trong IC-R9500. Đồng hồ dBμ, dBμ(emf) và dBm meter có độ chính xác ±3dB (10 đến 70dBμ đối với tín hiệu từ 100kHz đến 3335MHz ở 25°C).



Bộ chế áp nhiễu

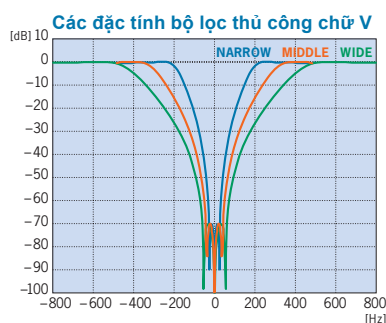
Thiết bị IC-R9500 có một bộ chế áp nhiễu được điều khiển bởi DSP làm giảm đáng kể nhiễu dạng xung và cải thiện tỷ số S/N bằng cách loại bỏ nhiễu tiếng ồn. Bộ chế áp nhiễu có hai kênh với các tham số độ rộng và độ sâu có thể điều chỉnh được. Bạn có thể sử dụng chúng cho những nhiễu tiếng ồn cụ thể.

Giảm nhiễu

Chức năng giảm nhiễu tách các thành phần tín hiệu khỏi nhiễu ngẫu nhiên thông qua Bộ xử lý tín hiệu kỹ thuật số (DSP) và tăng cường tín hiệu nằm trong tiếng ồn để cải thiện khả năng đọc tín hiệu.

Bộ lọc thủ công hình chữ V hai điểm

Bộ lọc kỹ thuật số thủ công hình chữ V có độ sâu lớn hơn 70dB ở hai điểm với độ rộng bộ lọc điều chỉnh được (rộng, trung bình, hẹp). Điều này có nghĩa là hai tín hiệu nhịp mạnh có thể được loại bỏ ngay lập tức khi sử dụng bộ lọc tự động chữ V.



Phát hiện đồng bộ AM

Việc phát hiện đồng bộ AM (S-AM) cung cấp âm thanh ít bị nhiễu hơn so với phát hiện bằng diot thông thường. Chế độ này hữu ích khi xảy ra hiện tượng pha-đỉnh hoặc mức tín hiệu thấp. Thiết bị IC-R9500 có thể tái tạo tín hiệu sóng mang chính xác bằng cách sử dụng DSP. Hơn nữa, việc giải điều chế biên trên hoặc biên dưới đối với S-AM là có thể lựa chọn được để loại bỏ nhiễu từ các tín hiệu mạnh lân cận.

Bộ giải điều chế & giải mã FSK

Thiết bị IC-R9500 có bộ giải điều chế FSK và bộ giải mã tích hợp.

- Bộ lọc đỉnh kép
- Bộ chỉ báo thác nước
- Chế độ FSK-R
- Tone FSK và dịch tần lập trình được

10 VFOs

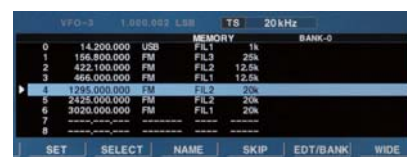
Thiết bị IC-R9500 có 10 kênh VFO để điều hướng và lưu các tần số làm việc, chế độ, độ rộng bộ lọc và các cài đặt khác. Ví dụ, dùng VFO-1 cho băng tần 7MHz, VFO-2 cho băng tần hàng hải VHF, VFO-3 cho

băng tần 1200MHz,... Bạn có thể nhanh chóng thay đổi các băng tần hoạt động bằng bàn phím 10 phím. Khi VFO được thay đổi, các cài đặt tự động được lưu vào kênh VFO đó.

Tổng cộng 1220 kênh nhớ

Thiết bị IC-R9500 có tổng cộng 1220 kênh nhớ. Lưu trữ các tần số, các chế độ, độ rộng bộ lọc và các bước điều hướng. Các kênh nhớ được nhóm trong 10 vùng bộ nhớ. Bằng cách kết nối tới một bàn phím USB, bạn có thể chỉnh sửa trực tiếp nội dung bộ nhớ.

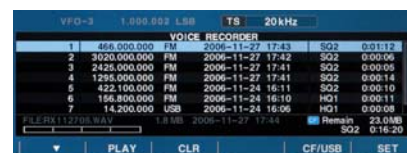
- 1000 kênh nhớ thông dụng
- 20 kênh quét ở biên
- 100 kênh bộ nhớ tự ghi
- 100 kênh nhớ bỏ qua khi quét kênh



Ví dụ về cài đặt bộ nhớ

Bộ ghi âm kỹ thuật số

Thiết bị IC-R9500 kiểu bộ ghi âm kỹ thuật số. Một là bộ ghi âm thông thường, để ghi âm thời lượng lớn dưới định dạng "WAV" vào thẻ nhớ CF lắp trong hoặc bộ nhớ USB ngoài. Tần suất lấy mẫu có thể thay đổi được từ 8kHz (SQ1) đến 48kHz (SHQ). Ở chế độ SQ1, có thể lưu được lên đến 130 minutes (xấp xỉ) vào bộ nhớ CF. Bộ ghi âm khác để ghi âm thời lượng ngắn, mà nó lưu 15 giây âm thanh vô tuyến trước đó vào bộ nhớ RAM, cho phép bạn phát lại âm thanh ngay lập tức.



Ví dụ về cài đặt bộ ghi âm

cho phép giám sát vô tuyến hiệu quả

Các chức năng đa quét kênh

Nhiều chức năng quét kênh để tìm các trạm mong muốn là sẵn có để vận hành dễ dàng hơn. Thiết bị IC-R9500 quét 40 kênh/giây ở chế độ quét bộ nhớ.

- Quét bộ nhớ
- Lập trình quét
- Lập trình quét chính xác
- Quét δF / Quét chính xác δF
- Quét ưu tiên
- Quét kênh nhớ chế độ được chọn
- Quét kênh nhớ được chọn
- Quét kênh nhớ tự ghi
- Quét tone

Bộ tổng hợp âm thanh

Bộ tổng hợp được tích hợp kèm thông báo tần số thu, chế độ và cường độ tín hiệu bằng tiếng Anh.

Đầu nối USB

Thiết bị IC-R9500 có một đầu nối USB để kết nối bộ nhớ USB ngoài hoặc các thiết bị USB khác. Âm thanh thu nhận được và các file cấu hình máy thu có thể được nhập và xuất tới máy tính. Các cập nhật phần mềm (Firmware) cũng có thể thực hiện thông qua bộ nhớ USB.

Các chức năng hỗ trợ thu khác nhau*

- Chức năng tự động điều hướng ở chế độ SSB/CW/AM
- Chức năng bù dịch tần (chỉ chế độ FM/ WFM) AFC
- Bộ tiền khuếch đại và bộ suy giảm
- Chức năng điều hướng 1/ bước và chức năng kích quay số
- Chế độ CW-R (đảo chiều)
- APF (Bộ lọc đỉnh âm thanh)
- AGC (Tự động điều khiển khuếch đại)
- VSC (Điều khiển triệt ồn âm thanh)
- Bảo vệ quá tải đầu vào (chỉ băng tần HF)

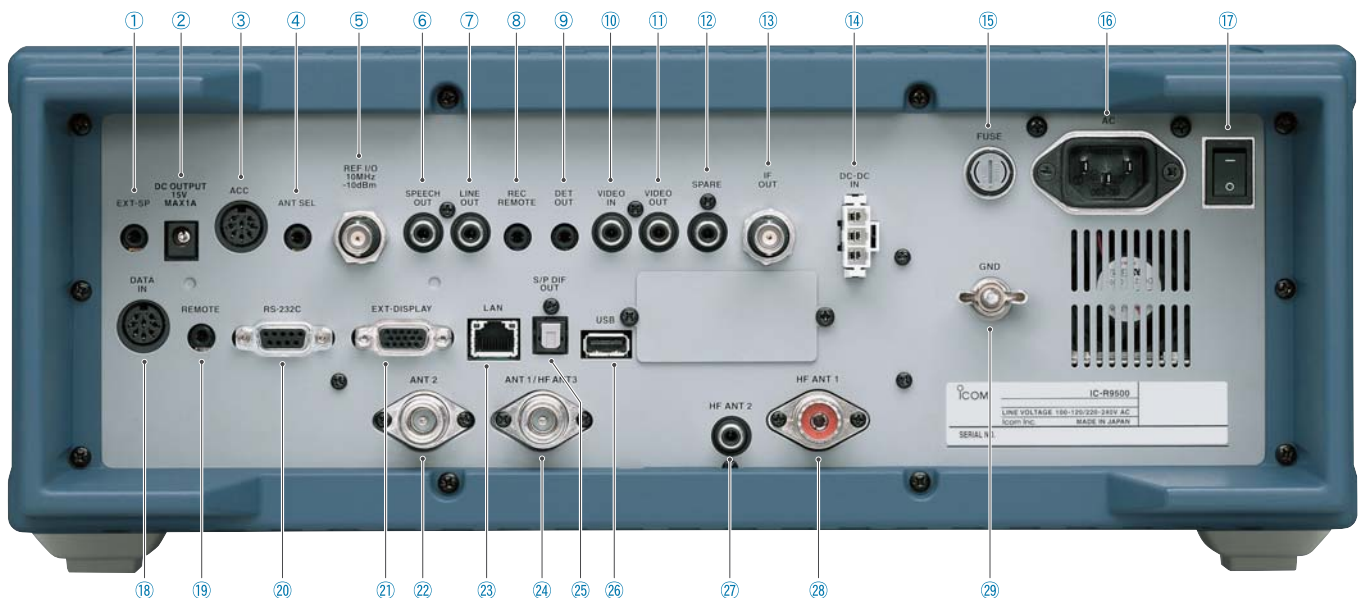
- Tùy chọn chế độ thu kỹ thuật số P25.
- Tùy chọn giao diện CI-V và cổng RS-232C để điều khiển từ xa bằng máy tính.
- Bộ điều hướng TV tương tự (NTSC/PAL/SECAM)*2

*1 Một số chức năng không sẵn có tùy theo chế độ làm việc hoặc băng tần.

*2 Ngoại trừ phiên bản của USA

Các tính năng bổ sung nổi bật

- 4 đầu nối an-ten: một đầu nối kiểu SO-239, một đầu nối kiểu phono (RCA) và hai đầu nối kiểu-N
- Giắc cắm đầu ra S/P DIF
- Đầu vào/đầu ra Video
- Chức năng đồng hồ với bộ hẹn giờ hàng ngày và bộ hẹn giờ ngủ
- Triệt ồn tone CTCSS và DTCS
- Căn chỉnh tần số đơn giản bằng WWV hoặc WWVH
- Chức năng khóa bàn phím quay số
- Chức năng khóa mật mã
- Bước điều hướng điều chỉnh được
- Chức năng điều chỉnh độ sáng màn hình
- Chức năng bộ giám sát



- | | | | |
|-----------------------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------------|
| ① Giắc cắm loa ngoài | ⑨ Giắc đầu ra bộ phát hiện | ⑰ Chuyển mạch nguồn chính | ⑳ Đầu nối an-ten 1/ HF Đầu |
| ② Giắc cắm đầu ra DC (15.0V) | ⑩ Giắc đầu vào Video | ⑱ Khe cắm đầu vào dữ liệu | ㉑ Đầu nối an-ten 3 |
| ③ Khe cắm ACC | ⑪ Giắc đầu ra Video | ⑲ Giắc điều khiển từ xa CI-V | ㉒ Đầu ra DIF S/P |
| ④ Giắc cắm bộ chọn an-ten | ⑫ Giắc dự phòng | ⑳ Đầu cắm RS-232C | ㉓ Đầu nối USB |
| ⑤ Đầu Vào/Ra tần số chuẩn | ⑬ Giắc đầu ra IF | ㉑ Đầu nối màn hình ngoài | ㉔ Đầu nối an-ten 2 HF |
| ⑥ Giắc đầu ra | ⑭ Khe cắm nguồn DC-DC | ㉒ Đầu nối an-ten 2 | ㉕ Đầu nối an-ten 1 HF |
| ⑦ Giắc đầu ra tuyến tính | ⑮ Hốc cầu chì | ㉓ Đầu nối Ethernet | ㉖ Đầu tiếp đất |
| ⑧ Giắc điều khiển từ xa bộ ghi âm | ⑯ Khe cắm nguồn AC | | |

CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT

TỔNG QUAN

Dải tần làm việc (Đ.vị đo: MHz)	0.005–3335.000000* * Các băng tần di động bị chặn ở phiên bản U.S.A.
Phiên bản Pháp	0.005 – 29.999999 50.200 – 51.200000 87.500 – 108.000000 144.000 – 146.000000 430.000 – 440.000000 1240.000 – 1300.000000
Chế độ	USB, LSB, CW, FSK, AM, FM, WFM, P25* * Cần có tùy chọn UT-122.
Số lượng các kênh nhớ	1220 (1000 kênh thông thường, 100 kênh tự động ghi, 100 kênh bỏ qua khi quét và 20 kênh quét biên)
Các đầu nối an-ten	SO-239 (50Ω đối với HF), Phono [RCA] (500Ω đối với HF), Type-N x 2 (50Ω, mỗi một đầu nối cho 30–1149.999999MHz, 1150–3335MHz)
Dải nhiệt độ	0°C to +50°C; +32°F to +122°F
Độ ổn định tần số	Nhỏ hơn ±0.05ppm (ở 25°C) sau khi sấy (5 phút)
Sự thăng giáng nhiệt độ	Nhỏ hơn ±0.05ppm (0°C đến +50°C)
Độ phân giải tần số	1Hz
Yêu cầu nguồn nuôi	100V/120V/230V/240V AC
Công suất tiêu thụ	Stand-by Nhỏ hơn 100VA Âm thanh lớn nhất Nhỏ hơn 100VA
Kích thước (W x H x D) (Không gồm đầu chiếu xạ)	424 x 149 x 340 mm; 16.69 x 5.87 x 13.39 in
Khối lượng	20kg; 44.1lb (xấp xỉ)

Các phụ kiện được cung cấp

- Cáp nguồn AC
- Thiết bị cầm tay
- Cầu chì dự trữ
- Các giắc ACC
- Các giắc RCA
- Giắc nguồn DC
- Giắc cắm loa

MÁY THU

Các tần số trung gian	HF 58.7MHz (1st)/10.7MHz (2nd)/48kHz (3rd) VHF/UHF 278.7MHz hoặc 778.7MHz (1st)/ 58.7MHz (2nd)/10.7MHz (3rd)/48kHz (4th)																																									
Độ nhạy	<table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>SSB, CW, FSK</th> <th>AM</th> <th>FM</th> <th>FM50k</th> <th>WFM</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>0.100 – 1.799MHz*1</td> <td>0.5μV</td> <td>6.3μV</td> <td>–</td> <td>–</td> <td>–</td> </tr> <tr> <td>1.800 – 29.999MHz*1</td> <td>0.2μV</td> <td>2.5μV</td> <td>0.5μV*3</td> <td>0.71μV*3</td> <td>–</td> </tr> <tr> <td>30.0–2499.999MHz*2</td> <td>0.32μV</td> <td>3.5μV</td> <td>0.5μV</td> <td>0.71μV</td> <td>1.4μV</td> </tr> <tr> <td>2500–2999.999MHz*2</td> <td>0.32μV</td> <td>3.5μV</td> <td>0.5μV</td> <td>0.71μV</td> <td>1.4μV</td> </tr> <tr> <td>3000–3335.000MHz*2</td> <td>1.0μV</td> <td>11μV</td> <td>1.6μV</td> <td>2.2μV</td> <td>4.5μV</td> </tr> </tbody> </table> <p>*1 Preamp1 ON *2 Preamp ON *3 28–29.999MHz SSB, FSK BW=2.4kHz, CW BW=0.5kHz, AM BW=6.0kHz ở 10dB S/N, FM BW=15kHz, FM50k BW=50kHz, WFM BW=180kHz ở 12dB SINAD</p>							SSB, CW, FSK	AM	FM	FM50k	WFM	0.100 – 1.799MHz*1	0.5μV	6.3μV	–	–	–	1.800 – 29.999MHz*1	0.2μV	2.5μV	0.5μV*3	0.71μV*3	–	30.0–2499.999MHz*2	0.32μV	3.5μV	0.5μV	0.71μV	1.4μV	2500–2999.999MHz*2	0.32μV	3.5μV	0.5μV	0.71μV	1.4μV	3000–3335.000MHz*2	1.0μV	11μV	1.6μV	2.2μV	4.5μV
	SSB, CW, FSK	AM	FM	FM50k	WFM																																					
0.100 – 1.799MHz*1	0.5μV	6.3μV	–	–	–																																					
1.800 – 29.999MHz*1	0.2μV	2.5μV	0.5μV*3	0.71μV*3	–																																					
30.0–2499.999MHz*2	0.32μV	3.5μV	0.5μV	0.71μV	1.4μV																																					
2500–2999.999MHz*2	0.32μV	3.5μV	0.5μV	0.71μV	1.4μV																																					
3000–3335.000MHz*2	1.0μV	11μV	1.6μV	2.2μV	4.5μV																																					
Dải động IMD thể hệ 3	109dB (typ.) ở 14.1MHz, 100kHz riêng, preamp OFF																																									
Độ lựa chọn (Giá trị điển hình)	<table border="1"> <thead> <tr> <th>USB, LSB, FSK (BW= 2.4kHz)</th> <th>Lớn hơn</th> <th>2.4kHz/ –3dB</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td>Nhỏ hơn</td> <td>3.6kHz/ –60dB</td> </tr> <tr> <th>CW (BW= 500Hz)</th> <th>Lớn hơn</th> <td>500Hz/ –3dB</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Nhỏ hơn</td> <td>700Hz/ –60dB</td> </tr> <tr> <th>AM (BW= 6kHz)</th> <th>Lớn hơn</th> <td>6.0kHz/ –3dB</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Nhỏ hơn</td> <td>15.0kHz/ –60dB</td> </tr> <tr> <th>FM (BW= 15kHz)</th> <th>Lớn hơn</th> <td>12.0kHz/ –3dB</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Nhỏ hơn</td> <td>25.0kHz/ –60dB</td> </tr> <tr> <th>WFM</th> <th>Lớn hơn</th> <td>180kHz/ –6dB</td> </tr> </tbody> </table>						USB, LSB, FSK (BW= 2.4kHz)	Lớn hơn	2.4kHz/ –3dB		Nhỏ hơn	3.6kHz/ –60dB	CW (BW= 500Hz)	Lớn hơn	500Hz/ –3dB		Nhỏ hơn	700Hz/ –60dB	AM (BW= 6kHz)	Lớn hơn	6.0kHz/ –3dB		Nhỏ hơn	15.0kHz/ –60dB	FM (BW= 15kHz)	Lớn hơn	12.0kHz/ –3dB		Nhỏ hơn	25.0kHz/ –60dB	WFM	Lớn hơn	180kHz/ –6dB									
USB, LSB, FSK (BW= 2.4kHz)	Lớn hơn	2.4kHz/ –3dB																																								
	Nhỏ hơn	3.6kHz/ –60dB																																								
CW (BW= 500Hz)	Lớn hơn	500Hz/ –3dB																																								
	Nhỏ hơn	700Hz/ –60dB																																								
AM (BW= 6kHz)	Lớn hơn	6.0kHz/ –3dB																																								
	Nhỏ hơn	15.0kHz/ –60dB																																								
FM (BW= 15kHz)	Lớn hơn	12.0kHz/ –3dB																																								
	Nhỏ hơn	25.0kHz/ –60dB																																								
WFM	Lớn hơn	180kHz/ –6dB																																								
Tỷ lệ loại bỏ tín hiệu giả và ảnh	<table border="1"> <tbody> <tr> <td>0.1 – 30.0MHz</td> <td>Lớn hơn 70dB</td> </tr> <tr> <td>30.0 – 2500MHz</td> <td>Lớn hơn 50dB</td> </tr> <tr> <td>2500 – 3000MHz</td> <td>Lớn hơn 40dB</td> </tr> </tbody> </table>						0.1 – 30.0MHz	Lớn hơn 70dB	30.0 – 2500MHz	Lớn hơn 50dB	2500 – 3000MHz	Lớn hơn 40dB																														
0.1 – 30.0MHz	Lớn hơn 70dB																																									
30.0 – 2500MHz	Lớn hơn 50dB																																									
2500 – 3000MHz	Lớn hơn 40dB																																									
Công suất AF đầu ra	Lớn hơn 2.6W với một tải 8Ω load																																									

Tất cả các thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không được hoặc không có trách nhiệm báo trước.

CÁC TÙY CHỌN

CT-17

BỘ CHUYỂN ĐỔI MỨC CI-V

Để điều khiển máy thu từ xa bằng một máy tính với một công suất RS-232C.



UT-122

KHỐI KỸ THUẬT SỐ P25

Cung cấp chế độ thu kỹ thuật số APCO P25.



SP-34

LOA NGỒI

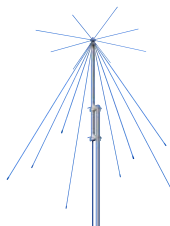
4 bộ loa âm thanh; giắc cắm tai nghe; có thể kết nối tới 2 máy thu. Trở kháng đầu vào: 8Ω. Công suất đầu vào: 5W Max.



AH-8000

AN-TEEN ĐĂNG HƯỚNG DÀI TẦN SIÊU RỘNG

Dải tần số làm việc: 100–3300MHz.
Đầu nối an-ten kiểu-N.



* Tất cả các hình ảnh màn hình đều được mô phỏng.

Màn hình LCD có thể có những thiếu sót xuất hiện như các điểm nhỏ hoặc điểm đen. Đây không phải là hư hỏng hoặc lỗi, mà là một đặc tính bình thường của các màn hình LCD.

Icom, Icom Inc. và logo Icom được đăng ký thương hiệu của Tập đoàn Icom (Nhật Bản) tại Mỹ, Vương quốc Anh, Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Nga, Nhật Bản và/hoặc các quốc gia khác. Tất cả các thương hiệu khác là tài sản của những người sở hữu chúng.

Icom Inc.

1-1-32, Kami-minami, Hirano-ku, Osaka 547-0003, Japan Phone: +81 (06) 6793 5302 Fax: +81 (06) 6793 0013

www.icom.co.jp/world

Hãy tin chúng tôi!

Icom America Inc.

12421 Willows Road NE,
Kirkland, WA 98034, U.S.A.
Phone: +1 (425) 454-8155
Fax: +1 (425) 454-1509
E-mail: sales@icomamerica.com
URL: <http://www.icomamerica.com>

Icom (Europe) GmbH

Communication Equipment
Auf der Krautweide 24
65812 Bad Soden am Taunus, Germany
Phone: +49 (6196) 76685-0
Fax: +49 (6196) 76685-50
E-mail: info@icom-europe.com
URL: <http://www.icomeurope.com>

Icom France s.a.s.

Zac de la Plaine,
1 Rue Brindejone des Moulinais, BP 45804,
31505 Toulouse Cedex 5, France
Phone: +33 (5) 61 36 03 03
Fax: +33 (5) 61 36 03 00
E-mail: icom@icom-france.com
URL: <http://www.icom-france.com>

Asia Icom Inc.

6F No. 68, Sec. 1 Cheng-Teh Road,
Taipei, Taiwan, R.O.C.
Phone: +886 (02) 2559 1899
Fax: +886 (02) 2559 1874
E-mail: sales@asia-icom.com
URL: <http://www.asia-icom.com>

Nhà phân phối/bán hàng địa phương bạn:

Icom Canada

Glenwood Centre #150-6165
Highway 17A, Delta, B.C.,
V4K 5B8, Canada
Phone: +1 (604) 952-4266
Fax: +1 (604) 952-0090
E-mail: info@icomcanada.com
URL: <http://www.icomcanada.com>

Icom Spain S.L.

Ctra. Rubí, No. 88 "Edificio Can Castanyer"
Bajos A 08174, Sant Cugat del Valles,
Barcelona, Spain
Phone: +34 (93) 590 26 70
Fax: +34 (93) 589 04 46
E-mail: icom@icomspain.com
URL: <http://www.icomspain.com>

Icom (Australia) Pty. Ltd.

Unit 1 / 103 Garden Road,
Clayton, VIC 3168 Australia
Phone: +61 (03) 9549 7500
Fax: +61 (03) 9549 7505
E-mail: sales@icom.net.au
URL: <http://www.icom.net.au>

Shanghai Icom Ltd.

No.101, Building 9, Caifuxingyuan Park,
No.138 Maotang Road, Cheshun Town,
Songjiang District, Shanghai, 201611, China
Phone: +86 (021) 6153 2768
Fax: +86 (021) 5765 9987
E-mail: bicom@bjicom.com
URL: <http://www.bjicom.com>

Icom Brazil

Rua Itororó, 444 Padre Eustáquio
Belo Horizonte MG,
CEP: 30720-450, Brazil
Phone: +55 (31) 3582 8847
Fax: +55 (31) 3582 8987
E-mail: sales@icombrasil.com

Icom (UK) Ltd.

Blacksole House, Altira Park,
Herne Bay, Kent, CT6 6GZ, U.K.
Phone: +44 (0) 1227 741741
Fax: +44 (0) 1227 741742
E-mail: info@icomuk.co.uk
URL: <http://www.icomuk.co.uk>

Icom New Zealand

39C Rennie Drive, Airport Oaks,
Auckland, New Zealand
Phone: +64 (09) 274 4062
Fax: +64 (09) 274 4708
E-mail: inquiries@icom.co.nz
URL: <http://www.icom.co.nz>